

Bản án số: 25/2024/HS-ST
Ngày 12/7/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh B

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Thế Phong

2. Bà Trần thị Kim Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Tổng Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2024/TLST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2024/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 6 năm 2024; quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/HSST-QĐ, ngày 26/6/2024, đối với các bị cáo:

1. **ĐẶNG VĂN H**, sinh ngày 04/9/1996 tại huyện V, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn Nậm N, xã Th, huyện V, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Dao; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn L và bà Bồn Thị K; vợ: Bồn Thị Đ; con: Có 01 con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ tạm giam từ ngày 18/3/2024, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang, có mặt

2. **BỒN VĂN B**, sinh ngày 14/8/2001 tại huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn Nậm N, xã Th, huyện V, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Dao; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bồn Văn Ng và bà Đặng Thị Ch; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/3/2024, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang, có mặt.

3. **LÊ VĂN H1**, sinh ngày 10/01/1980 tại huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Tổ 14, phường Nguyễn T, thành phố H, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Quang Xuân (đã chết) và bà Lê Thị Gái; có vợ: Nguyễn Thị Ph; con: 03 con, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất

sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/3/2024, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang, có mặt.

Những người tham gia tố tụng:

- Bị hại:

1. Ông Đặng Văn T; sinh năm: 1973; nghề nghiệp: Lao động tự do; địa chỉ: Tổ 07, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

2. Ông Lê T1; sinh năm: 1991; nghề nghiệp: Lao động tự do; địa chỉ: Tổ 07, phường Nguyễn T, thành phố H, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị P; sinh năm: 1983; nghề nghiệp: Lao động tự do; địa chỉ: Tổ 14, phường Nguyễn T, thành phố H, tỉnh Hà Giang, có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian cuối tháng 2/2024 và ngày 14/3/2024 tại thành phố H, tỉnh Hà Giang, bị cáo Đặng Văn H đã cùng bị cáo Bồn Văn B, Lê Văn H1 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể như sau: Vào cuối tháng 02/2024 (*không xác định được ngày*) bị cáo Lê Văn H1 cung cấp Clê, mở lết cho bị cáo Đặng Văn H đi trộm cắp tài sản được 01 (một) mô tơ điện, có giá trị là: 850.000 đồng (*tám trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*) của ông Lê T1 (*trú tại tổ 02, phường Nguyễn T, thành phố H, tỉnh Hà Giang*) mang về bán cho Lê Văn H1 với giá 200.000 đồng. Số tiền trên bị cáo H đã chi tiêu cá nhân hết. Do đã có thoả thuận từ trước nên khoảng 20 giờ ngày 14/3/2024 bị cáo Đặng Văn H, bị cáo Bồn Văn B được bị cáo Lê Văn H1 cung cấp phương tiện xe mô tô và công cụ Clê, mở lết, kìm để đi thực hiện hành vi trộm cắp, số tài sản trộm cắp là 03 (ba) mô tơ có giá trị là: 2.700.000 đồng (*hai triệu bảy trăm nghìn đồng chẵn*) của ông Đặng Văn T (*Sinh năm: 1973*) tại tổ 8, phường Q, thành phố H mang về bán cho bị cáo Lê Văn H1 được 600.000 đồng. Số tiền trên bị cáo H cầm dùng chi tiêu cá nhân cho H và B hết. Tổng trị giá tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt được của các bị hại là 3.550.000đ (*Ba triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai nhận:

Bị cáo Đặng Văn H khai: Khoảng cuối tháng 2/2024 (*không xác định được ngày*), vào lúc 18 giờ bị cáo đi đến nhà Lê Văn H1 mượn Clê, mở lết để đi trộm cắp tài sản. Bị cáo đi bộ một mình theo trục đường Lê Hoàn quan sát thấy ngôi nhà đang xây dựng (của ông Lê T1) không có người trông coi. Bị cáo đi vào tìm xung quanh thấy có 01 (một) mô tơ để ở sân nhà nên đã lấy vỏ bao xi măng quấn chiếc mô tơ trộm cắp mang đến bán cho H1. Đến nơi bị cáo trực tiếp bê mô tơ mang vào đặt trong nhà, trả lại clê, mở lết ở rổ đặt dưới nền nhà. Sau đó thấy H1 gọi chị Phương (*là vợ của H1*) ra đưa 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) cho bị cáo. Số tiền bán mô tơ bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết. Đến buổi trưa ngày 14/3/2024, bị cáo cùng B đi bộ đến nhà H1 để mượn xe mô tô với mục

đích đi trộm cắp tài sản. Đến nơi H1 nói do còn đi chở hàng phế liệu nên hiện tại xe không cho mượn được, tối quay lại lấy xe sau. Trong lúc ngồi uống nước H1 nói với bị cáo “*tao hay lên khu đô thị Q mua hàng, gần trại Methadone có mấy cái máy bơm nước, chúng mày đi bộ lên đấy mà tìm*”, sau đó bị cáo và B đi về. Đến khoảng 20 giờ tối cùng ngày cả hai đi bộ đến nhà H1 và được H1 đưa chìa khoá xe cho bị cáo, bị cáo nhặt clê, mốp lét, kìm để ở rổ đặt dưới nền nhà, B đứng ngoài sân đợi. Bị cáo điều khiển xe chở B ngồi sau đi lên khu đô thị Q thuộc tổ 08, phường Q, thành phố H để tìm máy bơm nước nhưng không thấy. Quan sát thấy có nhà kho (của ông Đặng Văn T) tại tổ 08, phường Q, thành phố H, xung quanh vách bằng tôn khoá cửa. Bị cáo dùng xe để bên lề đường, thấy tấm tôn vít nhà kho không chắc nên bị cáo dùng tay kéo tấm tôn ra, còn B dùng tay giữ tấm tôn để bị cáo chui vào, B ở phía bên ngoài cảnh giới. Bị cáo chui vào trong nhà kho dùng bật lửa ga nhặt được trước đó soi thấy ngay cạnh bức vách bằng tôn vào có một mô tơ đang lắp trên máy trộn bê tông, bị cáo lấy kìm từ túi quần ra tháo ốc, tháo xong đặt dưới đất và tiếp tục dùng bật lửa để tìm xung quanh cách đó khoảng 05 (năm) mét thấy có hai chiếc mô tơ tháo rời để dưới nền. Bị cáo bê từng cái mô tơ qua tấm tôn cho B nhận ở ngoài rồi ra ngoài ngồi lên xe, B bê lần lượt hai chiếc mô tơ đặt lên phía sau xe mô tô rồi mang về bán cho H1, do không chở hết được nên để 01 (một) chiếc mô tơ còn lại bên ngoài nhà kho. Khoảng 23 giờ khi đi xe về đến sân H1 ra mở cửa và trực tiếp bê một chiếc mô tơ, B bê một chiếc mô tơ mang vào trong nhà. Sau đó H1 gọi chị Phương dậy đưa cho bị cáo số tiền 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng), đưa tiền xong chị Phương quay vào. bị cáo nói với H1 “*bọn em còn một cái nữa, để bọn em đi lấy về nốt*”, H1 trả lời “*chúng mày đi nhanh lên về tao còn đi ngủ*”. Bị cáo cùng B tiếp tục đi xe quay lại nhà kho, B xuống xe và bê chiếc mô tơ còn lại lên xe mang về bán cho H1, đến nơi B bê mô tơ vào nhà sau đó H1 đưa số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) cho bị cáo. Bị cáo đưa trả chìa khoá xe cho H1, còn clê, mốp lét và kìm để lại tại rổ dưới nền nhà. Sau đó bị cáo, B đi về, số tiền bán 03 chiếc mô tơ bị cáo cầm tiền và dùng để chi tiêu cá nhân, trả tiền chơi game của bị cáo và B hết.

Bị cáo Bồn Văn B khai nhận: Bị cáo B xác nhận vào ngày 14/3/2024, bị cáo cùng H đi lấy trộm tài sản là 03 chiếc máy bơm tổ tổ 8, phường Q, thành phố H như lời khai của bị cáo H là đúng. Bị cáo, có được sử dụng số tiền thu được từ việc bán máy bơm cùng với H chỉ dùng cho cá nhân và chơi điện tử hết.

Bị cáo Lê Văn H1 khai nhận: Bị cáo xác nhận về quá trình và diễn biến sự việc như bị cáo H và bị cáo B khai là đúng. Bị cáo xác nhận việc bị cáo cho bị cáo H, B mượn xe moto, mượn cờ lê, mốp lét để đi lấy trộm cắp tài sản về để bán cho bị cáo. Đến ngày 14/3/2024 khi H và B đi bộ đến hỏi mượn chiếc xe mô tô và clê, mốp lét của bị cáo, bị cáo đã biết rõ là hai người họ mượn xe đi tìm đồ trộm cắp và bị cáo có chỉ chỗ có tài sản cho H và B để đi lấy trộm cắp tài sản như lời khai của bị cáo H là đúng. Việc cho bị cáo H và B mượn công cụ phạm tội chỉ có mình bị cáo biết, bà Phương vợ bị cáo không biết và không tham gia. Khi bị cáo cần lấy tiền trả cho H và B thì bị cáo chỉ nói là trả tiền mua hàng. Vì gia đình bị cáo làm nghề mua bán đồng nát, sắt vụn nên tiền do bà Phương quản lý.

* Quá trình điều tra, xác định ngoài lần trộm cắp tài sản trên, tháng 02/2024 Đặng Văn H và Bồn Văn B còn thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là 02 chiếc mô tơ tại Đài hương xã Thanh Thủy, huyện V của ông Nguyễn Văn Đức (*sinh năm 1980, trú tại: thôn Giang Nam, xã Thanh Thủy, huyện V, tỉnh Hà Giang*) và 01 chiếc mô tơ, 01 ti vi của ông Vũ Hải (*sinh năm 1962, trú tại: thôn Giang Nam, xã Thanh Thủy, huyện V, tỉnh Hà Giang*) mang về bán cho Lê Văn H1. Xét thấy, vụ việc trộm cắp tài sản xảy ra trên địa bàn huyện V thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan CSĐT Công an huyện V, tỉnh Hà Giang. Ngày 24/3/2024 Cơ quan CSĐT Công an thành phố H đã chuyển nguồn tin về tội phạm nêu trên đến Cơ quan CSĐT Công an huyện V để giải quyết theo thẩm quyền.

* Vật chứng vụ án:

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã thu giữ những vật chứng sau:

- 01 (Một) mô tơ điện đã qua sử dụng, nhãn hiệu Toàn Phát, công suất 3,5kw, thân mô tơ bám dính nhiều xi măng, có kích thước 35cm x 20cm x 25cm được nối bằng 01 sợi dây dẫn điện màu vàng, kích thước 250cm x 1cm trên dây dẫn có mỗi nối được cuốn băng dính cách điện màu xanh, cuối dây có 01 giắc cắm màu cam, quanh mô tơ cuốn nhiều sợi dây thép ly nhỏ.

- 01 (Một) mô tơ điện đã qua sử dụng, nhãn hiệu Toàn Phát, loại công suất 3,5kw, thân mô tơ bám dính nhiều xi măng, có kích thước 38cm x 20cm x 25cm được nối bằng 01 sợi dây dẫn điện màu vàng, có kích thước 260cm x 1cm trên dây có mỗi nối được cuốn băng dính cách điện màu xanh - đen, cuối dây có 01 giắc cắm màu trắng, quanh mô tơ cuốn nhiều sợi dây thép ly nhỏ.

- 01 (Một) mô tơ điện đã qua sử dụng, nhãn hiệu Toàn Phát, loại công suất 3,5kw, thân mô tơ bám dính nhiều xi măng, có kích thước 37cm x 20cm x 25cm được nối bằng 01 sợi dây dẫn điện màu vàng, trên dây có mỗi nối được cuốn băng dính cách điện màu xanh - đen, cuối dây có 01 giắc cắm màu trắng, quanh mô tơ cuốn nhiều sợi dây thép ly nhỏ.

- 01 (Một) mô tơ điện đã qua sử dụng màu nâu đen nhãn hiệu Toàn Phát, loại công suất 3,5kw, và nhiều chữ, số, ký tự nước ngoài, kích thước máy 22cm x 30cm x 20cm, quanh thân mô tơ được quấn 01 sợi dây nhôm, mô tơ có 01 dây dẫn điện màu vàng nối với dây màu đen, có mỗi nối được cuốn băng dính cách điện màu đen.

- 01 (Một) mô tơ đã qua sử dụng, nhãn hiệu Toàn Phát, công suất 3.0 kw, thân mô tơ bám dính nhiều xi măng, kích thước mô tơ 46cm x 20cm x 26cm, mô tơ được nối bằng 01 sợi dây dẫn điện màu vàng, dây có kích thước 20cm x 01cm, cuối dây không có giắc cắm.

- 01 (Một) mô tơ đã qua sử dụng, công suất 1,5kw có nhiều chữ, số, ký tự nước ngoài, thân máy bám dính nhiều bụi bẩn, kích thước mô tơ 35cm x 21cm x 20cm, mô tơ được nối bằng 01 sợi dây dẫn điện màu đỏ, kích thước 150m x 01cm, không có giắc cắm điện.

- 01 (Một) mô tơ đã qua sử dụng (*không rõ công suất*) màu xanh, nhãn hiệu BL và nhiều chữ, số, ký tự nước ngoài, kích thước mô tơ 33cm x 21cm x 20cm, mô tơ có 01 dây dân điện màu vàng nối với 01 cầu giao bằng nhựa nhãn

hiệu Ominsu, đoạn dây điện có 01 mối nối được cuốn bằng nilon màu xanh, kích thước đoạn dây dài 200cm x 01cm, có giắc cắm màu da cam.

- 01 (Một) xe mô tô, biển kiểm soát: 16L5-1791; số máy: 52FMHR002289; số khung: CH0J4UM002289.

- 01 (Một) kìm bằng kim loại màu đen, cán bằng nhựa màu xanh - trắng; 01 (Một) cờ lê có chữ 17, CHROME; VANADIUM, kim loại màu trắng, có tổng chiều dài 20cm; 01 (Một) mỏ lết có tổng chiều dài 20,5cm, bằng kim loại màu đen.

* Xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (Một) mô tơ đã qua sử dụng, nhãn hiệu Toàn Phát, công suất 3.0 kw; 01 (Một) mô tơ đã qua sử dụng, công suất 1,5kw; 01 (Một) mô tơ đã qua sử dụng (*không rõ công suất*) màu xanh bị can Đặng Văn H và Bồn Văn B khai lấy trộm tại thôn Giang Nam, xã Thanh Thủy, huyện V, tỉnh Hà Giang, Cơ quan điều tra đã chuyển toàn bộ vật chứng liên quan đến Cơ quan CSĐT Công an huyện V để thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

- Ông Đặng Văn T và anh Lê T1 đã có đơn xin lại tài sản, ngày 14/5/2024 cơ quan CSĐT Công an thành phố H đã ra quyết định xử lý vật chứng số: 410/QĐXLVC (ĐTTH). Trả lại cho chủ sở hữu để quản lý và sử dụng.

Vật chứng được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố H để quản lý theo quy định của pháp luật gồm:

- 01 (Một) xe mô tô, biển kiểm soát: 16L5-1791; số máy: 52FMHR002289; số khung: CH0J4UM002289;

- 01 (Một) kìm bằng kim loại màu đen, cán bằng nhựa màu xanh - trắng; 01 (Một) cờ lê có chữ 17, CHROME; VANADIUM, kim loại màu trắng, có tổng chiều dài 20cm;

- 01 (Một) mỏ lết có tổng chiều dài 20,5cm, bằng kim loại màu đen xác định là vật chứng vụ án.

Theo bản Kết luận định giá tài sản số: 48/KLHĐĐGTS, ngày 26 tháng 3 năm 2024 của Hội đồng định giá tài sản thành phố H kết luận: Hội đồng định giá thống nhất giá trị thực tế của 03 mô tơ điện, nhãn hiệu Toàn Phát, loại 3,5kw (đã qua sử dụng) là: 2.700.000đ (*Hai triệu bảy trăm nghìn đồng chẵn*) của hành vi trộm cắp xảy ra vào ngày 14/3/2024.

Theo bản Kết luận định giá tài sản số: 68/KLHĐĐGTS, ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng định giá tài sản thành phố H kết luận: Hội đồng định giá thống nhất giá trị thực tế của 01 mô tơ điện, nhãn hiệu Toàn Phát, loại 3,5kw (đã qua sử dụng) là: 850.000đ (*Tám trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*) của hành vi trộm cắp xảy ra vào cuối tháng 2/2024.

Tại bản Cáo trạng số 24/CT-VKSTPHG ngày 31/5/2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đã truy tố các bị cáo Đặng Văn H, Bồn Văn B, Lê Văn H1 về tội: Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ Luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo Đặng Văn H, Bồn Văn B, Lê Văn H1 đã khai

nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan Cảnh sát điều tra, phù hợp với tài liệu chứng cứ chứng minh do cơ quan Điều tra thu thập được về thời gian, địa điểm, hành vi mà các bị cáo đã thực hiện, cũng như vật chứng thu giữ được.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H sau phần xét hỏi và tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Đặng Văn H, Bồn Văn B, Lê Văn H1 về tội danh, điều luật như nội dung cáo trạng đã nêu. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố: Các bị cáo Đặng Văn H, Bồn Văn B, Lê Văn H1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Đặng Văn H từ 08 đến 12 tháng tù.

- Hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Bồn Văn B từ 06 đến 09 tháng tù.

- Hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Lê Văn H1 từ 06 đến 09 tháng tù.

- Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị xử lý

- Chiếc xe moto là tài sản chung của vợ chồng bị cáo H1, các bị cáo đã sử dụng là công cụ phương tiện phạm tội. Nhưng bà Phương không biết, và tài sản này chưa được phân chia quyền sở hữu và cũng là phương tiện duy nhất của gia đình bị cáo. Do đó cần giao lại cho bà Phương quản lý sử dụng. Các vật chứng khác là Clê, mỏ lết, kìm là công cụ phương tiện phạm tội không còn giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

- Về dân sự: Các bị hại, và bà Phương không đề nghị nên không giải quyết.

- Tuyên quyền kháng cáo đối với các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

- Án phí: Miễn án phí cho bị cáo H và bị cáo B do các bị cáo cư trú tại xã Biên giới đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Bị cáo H1 phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo trình bày ý kiến tranh luận: Các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà giang đã truy tố là đúng, các bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Các bị cáo thực hiện quyền nói lời sau cùng: Các bị cáo đều đã nhận thức được hành vi của mình đã vi phạm pháp luật, bị xử lý về hình sự là thỏa đáng. Các bị cáo đều xin được giảm nhẹ hình phạt tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều được thực hiện trình tự, thủ tục theo đúng quy định của pháp luật, không có khiếu nại, tố cáo. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa vắng mặt bị hại (có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa). Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, xét xử vụ án vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[3]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan CSĐT, phù hợp với tài liệu chứng cứ chứng minh do cơ quan Điều tra thu thập được về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện, vật chứng thu giữ được tại hiện trường, phù hợp với kết quả điều tra, nội dung vụ án. Giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt của các bị hại có giá trị là 3.550.000đ (*Ba triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*). Như vậy hội đồng xét xử đủ căn cứ kết luận: Do không có tiền tiêu xài cá nhân, nên trong khoảng thời gian cuối tháng 2 năm 2024 các bị cáo Đặng Văn H và bị cáo Bồn Văn B rủ nhau lợi dụng sơ hở trong quản lý tài sản của người khác để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Đối với bị cáo Lê Văn H1 không trực tiếp đi cùng thực hiện hành vi trộm cắp nhưng biết rõ hành vi của Đặng Văn H và Bồn Văn B đi trộm cắp tài sản mà vẫn cung cấp công cụ là cờ lê, mỏ lết và kìm, phương tiện xe mô tô để bị cáo H và bị cáo Bồn Văn B trộm cắp tài sản mang về bán cho mình mục đích mua với giá rẻ để thu lợi cá nhân.

[4]. Như vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo Đặng Văn H, Bồn Văn B, Lê Văn H1 đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[5]. Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Mức hình phạt đề nghị là phù hợp với hành vi phạm tội của các bị cáo.

[6]. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo lợi dụng sự sơ hở của người khác để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản gây mất trật tự trị an, trật tự xã hội. Các bị cáo là người trưởng thành có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và hiểu biết về pháp luật, có đủ sức khỏe để lao động kiếm tiền nhưng do các bị cáo lười lao động nên thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, vì vậy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm minh mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[7]. Xét vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án có đồng phạm giản đơn, bị cáo H là người khởi xướng, nhiều lần rủ rê bị cáo B, chủ động hỏi bị cáo H1 mượn xe và công cụ để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, số lần tham gia trộm cắp tài sản nhiều hơn các bị cáo khác. Như vậy, cần buộc bị cáo H phải chịu hình phạt cao hơn các bị cáo khác trong vụ án. Bị cáo B là đồng phạm thực hiện các hành vi trộm cắp tài sản, tuy nhiên hành vi của bị cáo H có vai trò tích cực

hơn bị cáo B. Bị cáo H1 mặc dù không trực tiếp tham gia trộm cắp tài sản cùng bị cáo H và bị cáo B, nhưng bị cáo là người cung cấp công cụ phương tiện để cho bị cáo H và bị cáo B thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, mang về bán cho bị cáo với mục đích mua lại tài sản trộm cắp với giá rẻ để thu lợi cá nhân. Do vậy, căn cứ vào vai trò của từng bị cáo để áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra theo đúng với quy định của pháp luật.

[9] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[10]. Về tình tiết giảm nhẹ hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ nên đều được áp dụng được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51- Bộ luật hình sự. Bị cáo B, và bị cáo H đều là dân tộc thiểu số, cư trú tại xã Biên giới đặc biệt khó khăn nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, cần áp dụng khoản 2 Điều 51- Bộ luật sự cho các bị cáo.

[11]. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung với các bị cáo do các bị cáo là người lao động tự do, không có thu nhập ổn định.

[12]. Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại đã được nhận lại tài sản và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu đề nghị gì về phần dân sự, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[13]. Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (Một) xe mô tô, biển kiểm soát: 16L5-1791; số máy: 52FMHR002289; số khung: CH0J4UM002289, là phương tiện phạm tội. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo H1 và bà Phương đều xác nhận chiếc xe moto là tài sản chung của hai vợ chồng và là phương tiện duy nhất của gia đình sử dụng hàng ngày để đi mua sắm (phương tiện kiếm sống), do là tài sản chung của vợ chồng, chưa phân chia quyền sở hữu và bà Phương cũng không có lỗi trong việc để các bị cáo sử dụng. Xét thấy, không cần thiết phải tịch thu sung ngân sách Nhà nước mà giao lại cho bà Phương quản lý, sử dụng.

- Đối với 01 (Một) kìm bằng kim loại màu đen, cán bằng nhựa màu xanh - trắng; 01 (Một) cờ lê có chữ 17, CHROME; VANADIUM, kim loại màu trắng, có tổng chiều dài 20cm; 01 (Một) mỏ lết có tổng chiều dài 20,5cm, bằng kim loại màu đen, là công cụ để các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[14]. Đối với bà Nguyễn Thị P là người trả tiền mua tài sản cho các bị cáo, nhưng bà Phương không biết các tài sản đó là do phạm tội mà có, nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là phù hợp.

[15]. Về án phí: Bị cáo H1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, các bị cáo H, B được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[16]. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, **Điều 17**, Điều 38, khoản 1 Điều 50, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106; khoản 1, khoản 2 Điều 136; Điều 292, Điều 331, Điều 333 và Điều 337 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Đặng Văn H, Bồn Văn B, Lê Văn H1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Đặng Văn H 10 (Mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ tạm giam ngày 18/3/2024.

- Xử phạt bị cáo Bồn Văn B 07 (bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ tạm giam ngày 18/3/2024.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn H1 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ tạm giam ngày 18/3/2024.

3. Xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị P: 01 (Một) xe mô tô, biển kiểm soát: 16L5-1791; số máy: 52FMHR002289; số khung: CH0J4UM002289.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) kìm bằng kim loại màu đen, cán bằng nhựa màu xanh, trắng; 01 (Một) cờ lê có chữ 17, CHROME; VANADIUM, kim loại màu trắng, có tổng chiều dài 20cm; 01 (Một) mỏ lết có tổng chiều dài 20,5cm, bằng kim loại màu đen.

Tình trạng tài sản, vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Công an thành phố H và Chi cục thi hành án dân sự thành phố H ngày 13 tháng 6 năm 2024.

4. Về án phí: Các bị cáo Đặng Văn H, Bồn Văn B được miễn án phí, bị cáo Lê Văn H1 phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND thành phố H;
- Công an thành phố H;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố H;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Cơ quan THAHS;
- Chi cục THADS thành phố H;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Các bị cáo;
- Lưu: HS.

Lê Thị Thanh B